

# TÌM HIỂU CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

ThS NGUYỄN KHẮC THANH\*

**X**ây dựng khu công nghiệp (KCN) ở Việt Nam là một yếu tố khách quan trên con đường CNH, HĐH. KCN đóng vai trò như là mũi đột phá, tạo động lực mới đẩy nhanh quá trình CNH theo con đường phát triển rút ngắn. Phát triển các KCN sẽ tác động to lớn đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tăng tỉ trọng công nghiệp phục vụ xuất khẩu, góp phần điều chỉnh, sắp xếp lại sản xuất công nghiệp, bảo vệ môi trường sinh thái; là nơi tốt nhất để tiếp thu, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ hiện đại, kinh nghiệm tổ chức quản lý sản xuất tiên tiến. Các KCN góp phần làm thay đổi cơ cấu lao động, tăng nhanh lực lượng công nhân công nghiệp, thúc đẩy quá trình CNH, HĐH nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tạo sự phát triển đồng đều giữa các vùng.

Xây dựng, phát triển KCN ở Việt Nam còn là một giải pháp nhằm sử dụng và phát huy vai trò, tác dụng to lớn của hình thức kinh tế tư bản nhà nước (TBNN) trong thời kỳ quá độ lên CNXH từ một nước chậm phát triển. Lênin coi chủ nghĩa TBNN là mắt xích trung gian giữa sản xuất nhỏ và CNXH, là phương pháp để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, đồng thời thực hiện việc kiểm kê kiểm soát: "Chủ nghĩa tư bản nhà

nước sẽ là một sự cứu nguy đối với chúng ta: giá như chúng ta thực hiện được chủ nghĩa tư bản nhà nước ở Nga rồi, thì bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội hoàn toàn là đã dễ dàng, đã nằm gọn trong tay chúng ta rồi, bởi vì chủ nghĩa tư bản nhà nước là cái gì có tính chất tập trung, được tính toán, được kiểm soát và được xã hội hoá". Sử dụng chủ nghĩa TBNN là một biện pháp "quá độ đặc biệt", một mắt khâu "trung gian". Lênin từng chỉ rõ: "... Phải biết nghĩ đến những mắt xích trung gian có thể tạo điều kiện thuận lợi cho bước chuyển từ chế độ gia trưởng, từ nền tiểu sản xuất lên chủ nghĩa xã hội"<sup>2</sup>. Đây là giải pháp chiến lược tiến tới CNXH đối với các nước có nền kinh tế chậm phát triển hoặc phát triển trung bình. Theo tư tưởng của Lênin, tờ nhượng là hình thức kí kết hợp đồng giữa chính quyền Xôviết với nhà tư bản. Tờ nhượng chủ yếu là sự "du nhập", thu hút vốn đầu tư của CNTB ở bên ngoài vào. Đây chính là sự liên minh với CNTB ở các nước tiên tiến, là hợp đồng kinh tế với tư bản tài chính ở các nước tư bản tiên tiến. Sự liên minh đó sẽ làm cho lực lượng sản xuất của chúng ta phát triển thêm. Trong điều kiện hiện nay của nền kinh tế, chúng ta có thể và cần phải sử dụng chủ nghĩa TBNN như là một tất yếu để phát triển lực lượng sản xuất, thực hiện định hướng XHCN. Kinh tế TBNN tự nó mang tính tập trung sản

\* Học viện chính trị quốc gia, Bộ quốc phòng

xuất và quản lý hiện đại của một hệ thống mở. Nhờ sự phát triển của nó mà có thể khắc phục dần tình trạng manh mún, phân tán, chia cắt trong sản xuất và trong quản lý ở nước ta. Phát triển kinh tế TBNN sẽ giúp chúng ta hình thành một hệ thống kiểm kê kiểm soát có hiệu quả nền kinh tế quốc dân, để khắc phục khuynh hướng tự phát vô chính phủ trong kinh tế. Nó tạo cơ sở cho việc đẩy lùi và ngăn chặn những tiêu cực trong các cơ sở kinh tế, nhất là kinh tế nhà nước. Trong khu vực đầu tư nước ngoài, kinh tế TBNN không chỉ đem lại nguồn vốn, chuyển giao công nghệ, mà quan trọng hơn còn là nơi áp dụng những phương cách quản lý kinh tế thị trường hiện đại. "Dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài: Chính quyền Xôviết + trật tự ở đường sắt Phổ + kĩ thuật và cách tổ chức các cơ sở ở Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ etc.etc. + + = .... = chủ nghĩa xã hội"<sup>3</sup>. Tham khảo và vận dụng sáng tạo cách quản lý hiện đại trong điều kiện nước ta, sẽ đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý, tạo ra những điều kiện để quản lý quá trình mở cửa và hội nhập một cách tốt hơn, tăng nhanh sự phát triển lực lượng sản xuất. Sử dụng kinh tế TBNN là một giải pháp quan trọng để đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, rút ngắn thời gian CNH, HDH, khắc phục nhanh tình trạng tụt hậu ngày càng xa về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới, tạo thêm việc làm và nâng cao đời sống cho người lao động. Nhận thức đúng đắn vai trò, tính tất yếu sử dụng kinh tế TBNN, Đảng ta chủ trương "khuyến khích phát triển" kinh tế TBNN.

Xu hướng quốc tế hoá, toàn cầu hoá đòi hỏi các quốc gia phải tập trung hoà sản xuất công nghiệp nhằm tạo ra năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, nâng cao năng lực sản xuất, kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực, tham gia tích cực có hiệu quả vào quá trình phân công lao động quốc tế. Đặc biệt những nước đang phát triển, mới bắt đầu tham gia cuộc cạnh tranh toàn cầu thì việc hình thành các KCN tập trung có đủ sức mạnh kinh tế càng trở nên cấp bách. Trong quá trình dẫn đến sự tập trung hoá cao độ sản xuất công

nghiệp, tất yếu phải phát triển những vùng kinh tế trọng điểm mà động lực của nó là các KCN, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Tiếp cận sự nhận thức này là kết quả của quá trình đổi mới tư duy kinh tế của Đảng ta nhằm tạo ra bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực mới đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nền kinh tế Việt Nam.

Theo Quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao của Chính phủ ban hành ngày 24-4-1997, thì KCN "là khu tập trung các doanh nghiệp công nghiệp chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống; do Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập. Trong khu công nghiệp có thể có doanh nghiệp chế xuất"<sup>4</sup>. KCN bao gồm nhiều loại hình: KCN thông thường; khu chế xuất; khu công nghệ cao; khu kinh tế mở; đặc khu kinh tế...

Những năm trước đổi mới, sự phát triển kinh tế, trong đó có lĩnh vực công nghiệp, được phân bố đồng đều trên toàn lãnh thổ. Trong công cuộc đổi mới, tư duy về cơ cấu kinh tế, nhất là cơ cấu vùng lãnh thổ đã có đổi mới căn bản. Nền kinh tế Việt Nam không thể dàn đều mọi nguồn lực phát triển trên khắp các vùng lãnh thổ. Những vùng có tiềm năng, lợi thế cần được tập trung đầu tư phát triển trở thành đầu tàu của nền kinh tế, tạo hiệu ứng lan toả, kéo theo các vùng khác phát triển. Những vùng kinh tế động lực, những KCN được ra đời từ tư duy đó.

Để tham gia có hiệu quả vào tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, trước hết mỗi quốc gia phải làm cho mình mạnh lên về mọi mặt để không bị thua thiệt. Một trong những giải pháp có hiệu quả là thực hiện tập trung hoá sản xuất một cách cao độ, đẩy mạnh đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trên thị trường quốc tế. Từ các KCN, lợi thế so sánh của đất nước sẽ chuyển thành lợi thế cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao uy tín chính trị của đất nước.

Việt Nam đẩy mạnh CNH, HĐH theo con đường phát triển rút ngắn, tất yếu phải sử dụng mô hình KCN. Lịch sử CNH của các nước trên thế giới cho thấy rằng, thời gian CNH của các nước càng về sau càng rút ngắn. Đó là kết quả của sự vận dụng được những thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ đương thời và có những sáng tạo trong tổ chức quản lý kinh tế. Những nước như Anh, Pháp, Đức, Mỹ tiến hành CNH mất 70-100 năm. Sau này, những nước được coi là "những con rồng châu Á", thời gian CNH của họ chỉ mất khoảng 30 năm. Sở dĩ các nước đó rút ngắn được thời gian CNH là bởi vì họ đã tiếp cận và nắm bắt được những thành tựu khoa học công nghệ mới nhất và trình độ tổ chức quản lý công nghiệp tiên tiến. Sự kết hợp hai thành tựu này đã tạo ra cuộc cách mạng về lực lượng sản xuất xã hội. Đây là nhân tố quyết định sự thành công của CNH trong thời gian ngắn nhất. Đồng thời các nước đó đã kết hợp được những thành tựu khoa học công nghệ mới nhất với nỗ lực phát minh sáng tạo trong nước để tạo nên một sức mạnh mới trong phát triển công nghiệp. "Công nghệ Hoa kì kết hợp với nghệ thuật quản lý Nhật bản" đã tạo ra sự phát triển thần kì của nước Nhật. Từ sự kết hợp có tính quy luật giữa thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến với nghệ thuật quản lý sáng tạo đã xuất hiện hình thức tổ chức kinh tế hiện đại như các KCN, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Nhận thức vai trò to lớn của KCN trong quá trình phát triển kinh tế, tại HNTƯ 6 (Khoá VI) lần đầu tiên Đảng ta xác định phải "Khẩn trương nghiên cứu phương án, tập trung làm thử ở một vài nơi để rút kinh nghiệm và tạo điều kiện mở rộng việc xây dựng các "khu chế xuất", "đặc khu kinh tế"<sup>5</sup>. Thực hiện chủ trương trên, Đảng đã chỉ đạo xây dựng các khu chế xuất: Khu chế xuất Tân Thuận (1991); Khu chế xuất Linh Trung (1992); Khu chế xuất Hải Phòng (1993)... Từ thực tiễn chỉ đạo xây dựng các KCN, khu chế xuất, Đảng ta nhận thức sâu sắc hơn vai trò to lớn của mô

hình kinh tế này trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kì (Khoá VII), Đảng ta chỉ rõ: "Triển khai khu chế xuất ở thành phố Hồ Chí Minh, phát triển thêm ở một số nơi như: Hải Phòng, Vũng Tàu, Quảng Ninh và một số tỉnh, thành phố khác"<sup>6</sup>. Để phát huy lợi thế so sánh của cả nước, của từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực, trong từng thời kỳ, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế, vấn đề quan trọng đặt ra là phải có cơ chế chính sách phù hợp để thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật tạo khung pháp lí cho phát triển các KCN: Luật đầu tư nước ngoài, Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Luật đất đai, Luật lao động, Luật xây dựng, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nhiều văn bản dưới luật. Đồng thời bước đầu chú ý tới công tác quy hoạch các vùng, trước hết là các địa bàn trọng điểm, các khu chế xuất, khu kinh tế đặc biệt, khu công nghiệp tập trung. Ngày 24-4-1997, Chính phủ ban hành quy chế KCN, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Đây là điều kiện quan trọng để phát triển nhanh, có hiệu quả các KCN ở nước ta. Khi xác định mục tiêu phấn đấu: "Đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại"<sup>7</sup>, thì Đảng ta cũng chủ trương phát triển mạnh các KCN trên phạm vi cả nước: "Quy hoạch phân bố hợp lí công nghiệp đều trên cả nước, phát triển có hiệu quả các khu công nghiệp, khu chế xuất, xây dựng một số khu công nghệ cao, hình thành các cụm công nghiệp lớn và khu kinh tế mở"<sup>8</sup>. Tháng 6 và tháng 11 - 2004, chúng ta đã tổ chức hai cuộc hội thảo cấp quốc gia về phát triển các KCN, khu chế xuất ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Qua hội thảo, chúng ta đã nhận thức rõ hơn vị trí, vai trò của KCN trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, làm rõ hơn nhận thức lí luận và thực tiễn phát triển KCN, chỉ rõ

những vấn đề thực tiễn xây dựng KCN đang đặt ra, tìm những giải pháp hữu hiệu phát triển KCN trong thời gian tới.

Thực hiện chủ trương xây dựng KCN của Đảng, đến nay các KCN ở Việt Nam đã phát triển cả về số lượng và chất lượng, tạo nên mạng lưới các KCN, khu chế xuất trong cả nước. Tính đến tháng 12-2004, cả nước đã xây dựng được 112 KCN với tổng diện tích 21.892 ha (diện tích đất cho thuê là 13.000 ha). Trong đó, 70 KCN, khu chế xuất được thành lập đã đi vào hoạt động. Ngoài ra, có 124 cụm công nghiệp được thành lập ở các địa phương. Đến nay, các KCN, khu chế xuất trong cả nước đã tạo việc làm cho khoảng 60 vạn lao động trực tiếp và hơn 1 triệu lao động gián tiếp. Có 3.108 dự án đầu tư vào các KCN, trong đó có 1.495 dự án đầu tư nước ngoài, 1613 dự án đầu tư trong nước với số vốn 11.178 tỉ USD và 71.288 tỉ đồng. Riêng năm 2003 các doanh nghiệp trong các KCN đạt doanh thu trên 9,565 tỉ USD, xuất khẩu 3,656 tỉ USD, nộp ngân sách 969 triệu USD.

Các KCN ra đời đã góp phần phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ công cộng, từng bước hình thành những khu đô thị mới, góp phần tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài. Thực tiễn ở Việt Nam thời gian qua cho thấy, môi trường đầu tư càng hấp dẫn thì sẽ thu hút được ngày càng nhiều vốn đầu tư. Phát triển mạnh mẽ các KCN, khu chế xuất góp phần quan trọng tạo sự cân bằng ngoại thương, thúc đẩy đổi mới cơ chế quản lý kinh tế...

Tuy nhiên, thực tiễn xây dựng KCN trong thời gian qua đang đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục giải quyết. Công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý KCN còn những bất cập, chưa theo kịp sự phát triển của các KCN trong thực tiễn. Quy hoạch các KCN chưa có sự gắn kết chặt chẽ với các vùng lãnh thổ. Các KCN ở Việt Nam hiện nay phát triển còn mang tính chất "tràn lan, dàn trải". Bởi vậy dễ dẫn đến chống chèo, xuất

hiện sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các địa phương trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chưa dự báo và đánh giá đúng tiềm năng phát triển công nghiệp, KCN để làm cơ sở cho phát triển KCN một cách khả thi; vẫn còn thiếu quy hoạch vùng công nghiệp và quy hoạch tổng thể phát triển các KCN theo vùng; vấn đề bảo đảm quyền lợi của người lao động...

Tóm lại, phát triển các KCN là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, nhằm khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, của cả nước, nâng cao hiệu quả sản xuất công nghiệp, cải tiến và phát triển hình thức sản xuất công nghiệp mới, đưa ngành công nghiệp Việt Nam phát triển lên một bước mới. KCN là mô hình kinh tế năng động, là sản phẩm của sự kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực, tạo động lực mới thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững. Việt Nam đẩy mạnh CNH trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang bước vào giai đoạn toàn cầu hoá nhanh chóng và sâu rộng như hiện nay, thì việc xác lập mô hình kinh tế KCN và phát huy mô hình này một cách có hiệu quả là một yêu cầu cơ bản và cấp thiết.

1.3. *Lênin Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, M, 1978, T.36, tr. 311, 684

2. *Sổđ*, T. 43, tr. 276

4. Nghị định 36-CP, ngày 24-4-1997 của Chính phủ *Về quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao của Chính phủ*

5. *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương (Khoá VI)*, Lưu hành nội bộ, H, 1989, tr.23

6. *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ Khóa VII*, Lưu hành nội bộ, H, 1994, tr.33

7. 8. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, CTQG, H, 2001, tr. 89, 174.